

Số: 28-VT-2039/25-NIPI-TTH/HSMT
Ngày / / 2025

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Viện trưởng Viện NCKH&TK
Директор НИПИ

Signed by: Đào Nguyên Hưng
Date: 01/07/2025 14:31:18
Certified by: Vietsovpetro CA

Đào Nguyên Hưng

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Viện phó thứ nhất
Первый зам. директора НИПИ

Signed by: Иванов Алексей
Николаевич
Date: 24.06.2025 10:04:36
Certified by: Vietsovpetro CA

Ivanov A.H

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Viện phó Địa chất
Зам. директора по геологии НИПИ

Signed by: Vũ Văn Khương
Date: 24/06/2025 08:28:20
Certified by: Vietsovpetro CA

Vũ Văn Khương

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Viện phó Kinh tế
Зам. директора по экономике НИПИ

Signed by: Nguyễn Trần Thanh
Date: 23/06/2025 11:11:08
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Trần Thanh

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Viện phó Thiết kế
Зам.директора НИПИ

Signed by: Trần Duy Hải
Date: 23/06/2025 09:15:42
Certified by: Vietsovpetro CA

Trần Duy Hải

HỒ SƠ MỜI THẦU ДОКУМЕНТЫ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДЕР

- Đơn vị đặt hàng / Заказчик: Viện Nghiên Cứu Khoa học và Thiết kế/ НИПИ.
- Đơn hàng No: / Заявка No: 28-VT-2039/25-NIPI-TTH (14 đơn hàng Oracle: 28.NCKH-0101/25-TTH; 28.NCKH-0101/25ATTH; 28.NCKH-0101/25B-TTH; 28.NCKH-0101/25C-TTH; 28.NCKH-0101/25D-TTH; 28.NCKH-0101/25E-TTH; 28.NCKH-0101/25F-TTH; 28.NCKH-0101/25G-TTH; 28.NCKH-0101/25H-TTH; 28.NCKH-0101/25ITTH; 28.NCKH-0101/25J-TTH; 28.NCKH-0101/25K-TTH; 28.NCKH-0101/25L-TTH; 28.NCKH-0101/25M-TTH).
- Số hiệu gói thầu:/ Номер пакета: 28-VT-2039/25-NIPI-TTH.
- Tên gói thầu:/ На приобретение: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12./ Канцелярские и хоз.бытовые материалы выполнить работу для Блок 09-3/12.
- Gói thầu này áp dụng theo: “Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro” số VSP-000-TM-238, sửa đổi số 01, phiên bản 2, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 (phù hợp với nhu cầu và tính chất của gói thầu).

E-HSMT Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12. Người thực hiện: D.N.Q Trang – P. TM-DV – Viện NCKH&TK (5286). Trang 1

Применяется согласно Положению: О порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывности хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «Вьетсовпетро» No. VSP-000-TM-238, версия 02 от 01.01.2025г”.

I. DANH MỤC HỒ SƠ MỜI THẦU TRÌNH PHÊ DUYỆT/ ПЕРЕЧЕНЬ ДОКУМЕНТОВ:

Mô tả tóm tắt/ Краткое описание

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU/ ПРОЦЕДУРЫ ТОРГОВ

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu/ Инструкции подрядчика

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu/ Лист данных тендера

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT/ Критерии оценки тендерных предложений

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu/ Тендерная форма

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT/ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ И СПИСОК И ОБОРУДОВАНИЯ

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật/ Технические требования и список и оборудования

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG / ОБЩИЕ УСЛОВИЯ ДОГОВОРА, ПРОЕКТ КОНТРАКТА

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC / APPENDICES

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM:/ ДРУГИЕ СВЯЗАННЫЕ ДОКУМЕНТЫ

1. Đơn hàng No: / Заявка No: 28-VT-2039/25-NIPI-TTH (14 đơn hàng Oracle: 28.NCKH-0101/25-TTH; 28.NCKH-0101/25ATTH; 28.NCKH-0101/25B-TTH; 28.NCKH-0101/25C-TTH; 28.NCKH-0101/25D-TTH; 28.NCKH-0101/25E-TTH; 28.NCKH-0101/25F-TTH; 28.NCKH-0101/25G-TTH; 28.NCKH-0101/25H-TTH; 28.NCKH-0101/25ITTH; 28.NCKH-0101/25J-TTH; 28.NCKH-0101/25K-TTH; 28.NCKH-0101/25L-TTH; 28.NCKH-0101/25M-TTH).
2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số / План выбора подрядчика №. 28-VT-2039/25-NIPI-TTH/KHLCNT.





HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBYC
(trên Hệ thống):

28-VT-2039/25-NIPI-TTH

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBYC trên Hệ thống):

Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12

Dự án (theo nội dung E-TBYC trên Hệ thống):

Lô 09-3/12.

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBYC trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBYC trên Hệ thống):

28- VT-2039/25-NIPI-TTH/HSMT

E-HSMT Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12. Người thực hiện: D.N.Q Trang – P. TM-DV – Viện NCKH&TK (5286). Trang 4



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG



Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,...(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

	d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án; c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án; d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát; 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu: a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; f) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238. 4.8. Chuyển nhượng thầu:
--	---



	Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Chủ đầu tư; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống; 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT. 5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật; c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:



	Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh. Phần 4. Các phụ lục 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời gian tối đa theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.



	7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalogue...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6 Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục



	phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu; d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 hoặc 12.2, Mẫu số 13 Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT. 15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng và trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế. 15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu. 15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹,

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...



	lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ.... 15.5. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. 15.6. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL. 15.7. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng



	hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (áp dụng trong trường hợp đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro) và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (<i>đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu. 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:
--	---



	a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ-Mục 33 E-CDNT; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSDT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT



sửa đổi E-HSDT	khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu



	khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu), đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT: 24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định	25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung



tính đáp ứng của E-HSDT	của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT. 25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại E-BDL. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc. 27.5 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài



	công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên. 28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây: $D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó: - G^*: Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước; - G: Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. 28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL. 28.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.5. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.6 Trường hợp nếu các Hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho Hồ sơ dự thầu có: - Hàng hóa xuất xứ từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga. - Dịch vụ/Công việc mà sử dụng người lao động từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. 29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để



	đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trong E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá. - Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại E-BDL; đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu mà không phải xếp hạng nhà thầu. 29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào). a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này. b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo
--	--



	hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo. 29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định. c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform (nếu có) là cơ sở để xem xét, đánh giá; d) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi; e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; d) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.
31. Thương	31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;



thảo hợp đồng	31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). 31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT; b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu; 31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT; d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). 31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện. 31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT. 31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem
----------------------	---



	xét, thương thảo qua mạng.
32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 31.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; 31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL; 31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
33. Hủy thầu	33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư; c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.
34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu;



	- Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau: - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 35.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng hàng hóa/dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.
36. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu



	trúng thầu trên Hệ thống.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu). 37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu. 38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL .



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12. Tên dự án/dự toán mua sắm: Lô 09-3/12. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Lô 09-3/12.
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro – Viện Nghiên Cứu Khoa Học và Thiết Kế, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: không có; + Tư vấn thẩm định giá: không có; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: không có; + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: không có; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: không có + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: không có; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: không có; Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*. - Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:



	$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. *Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp"
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: <i>theo quy định hiện hành của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i>
E-CDNT 10.1-10.7	Tất cả các tài liệu từ mục 10.1-10.7 phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Các tài liệu chứng minh E-HSDT đáp ứng các yêu cầu được quy định tại E-HSMT. Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 13.5	Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: - Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho VIETSOVPETRO, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho VIETSOVPETRO, phí bảo hiểm hàng hóa v.v. - Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Đối với Lô 09-1: Thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu trên Tờ Khai Hải Quan được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.



	<i>Đối với các Lô khác (ngoài Lô 09-1): Được xét miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được theo Danh mục hàng hóa miễn thuế của Lô.....</i> <i>- Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.</i>
E-CDNT 15.6	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Quý III/2025.
E-CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Không yêu cầu Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thủ tục bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 3.000.000 VND. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1 Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu
E-CDNT 28.3	Cách tính ưu đãi: “Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;
E-CDNT 28.6	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt.



	- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: <i>[Phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</i> - <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất:</i> “nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;
E-CDNT 30	Thương thảo hợp đồng: ____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”, tùy theo quy định QC-238].
E-CDNT 31.4	<i>[Phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</i> - “nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
E-CDNT 38.2	- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Đào Nguyên Hưng - Viện trưởng Viện NCKH&TK - Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu Điện thoại: 0254 3 839 871 – Ext 2274; Fax: 0254 3 563 373 - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro - Viện Nghiên Cứu Khoa Học và Thiết Kế Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu Điện thoại: 0254 3 839 871 – Ext 5211; Fax: 0254 3 563 373
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro - Viện Nghiên Cứu Khoa Học và Thiết Kế Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu Điện thoại: 0254 3 839 871 – Ext 5211; Fax: 0254 3 563 373



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.
 - Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.
Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT.
 - Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
 - Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV).
 - Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.
 - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 hoặc 12.2 hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm



2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được scan đính kèm trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo tỷ giá bán ra* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



Bảng số 01 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 356.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu ⁽¹⁰⁾; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 131.000.000 VND ⁽¹¹⁾.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác ⁽¹²⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		hàng theo yêu cầu của E-HSMT.				



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải

chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Cập nhật nội dung Ghi chú (9) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.

(10) Tương tự về tính chất: *Cập nhật nội dung Ghi chú (10) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.*

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự: *Cập nhật nội dung Ghi chú (11) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.*

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.



Bảng số 02 (scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 356.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Năng lực sản xuất hàng hoá ⁽⁸⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: __ sản phẩm/01 tháng; Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: sản phẩm.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác ⁽⁹⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1). (Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm

2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:



Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSĐT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4-Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(9) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSĐT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSĐT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 6A Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống) ⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽²⁾	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽³⁾
1			tối thiểu_năm hoặc tối thiểu___hợp đồng	
2			tối thiểu_năm hoặc tối thiểu___hợp đồng	
...				

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV.

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự.

(3) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

*** Đối với Lô 09-1:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí phát sinh trong nước Việt Nam nhưng không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT trên tờ khai nhập khẩu sẽ được miễn cho lô 09-1;

Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

*** Đối với Lô khác (ngoài 09-1):**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế, phí, lệ phí.

Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.2. Phương pháp giá đánh giá²: (KHÔNG ÁP DỤNG)

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.

Bước 1. Xác định giá dự thầu:

*** Đối với Lô 09-1:** Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí phát sinh trong nước Việt Nam nhưng không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT trên tờ khai nhập khẩu sẽ được miễn cho lô 09-1;

*** Đối với Lô khác (ngoài 09-1):** Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế, phí, lệ phí.

2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu xác định tại Bước 1 khoản này;

- $\Delta_{\text{ƯĐ}}$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT.

- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa. Theo đó, khi xây dựng tiêu chuẩn giá đánh giá, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể cân nhắc lượng hóa một hoặc các yếu tố khác ngoài giá dự thầu. Các yếu tố đó có thể bao gồm:

a) Thời gian giao hàng:

Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của 01 ngày hàng hóa đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ tiết kiệm được A (VND) thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức xác định giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu giao hàng muộn hơn so với ngày giao hàng sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là: $A \times X$ (VND) vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

b) Tiến độ thanh toán:

Nhà thầu phải chào giá theo biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT. E-HSMT sẽ được so sánh trên cơ sở giá chào theo biểu tiến độ thanh toán theo quy định. Tuy nhiên, cùng với biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu được phép đề xuất một biểu tiến độ thanh toán khác và đề xuất giảm giá theo biểu tiến độ thanh toán này. Sau khi nhà thầu được lựa chọn trúng thầu trên cơ sở so sánh giá chào theo biểu tiến độ thanh toán ban đầu thì Chủ đầu tư có thể xem xét biểu tiến độ thanh toán thay thế và giảm giá của nhà thầu này.

c) Chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế: [Chủ đầu tư, Bên mời thầu lựa chọn theo một trong hai cách sau đây:

Nhà thầu có trách nhiệm lập danh sách và chào giá cho vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.8 E-BDL. Giá chào của các vật tư, phụ tùng thay thế này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất tại điểm này trong quá trình sử dụng.

hoặc

Chủ đầu tư, Bên mời thầu lập danh sách các vật tư, phụ tùng thay thế có tần suất sử dụng và giá trị lớn trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.8 E-BDL. Nhà thầu phải chào đơn giá, thành tiền cho các vật tư, phụ tùng thay thế này. Giá chào của các hàng hóa này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất trong quá trình sử dụng.

d) Khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong HSMT tại địa điểm dự án:

Để phục vụ việc so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ được cộng thêm một khoản tiền tương đương với chi phí mà Chủ đầu tư phải bỏ ra để thiết lập các cơ sở dịch vụ tối thiểu và lưu kho các vật tư, phụ tùng thay thế nếu các mục này được chào riêng rẽ.

đ) Chi phí vòng đời sử dụng:

Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của hàng hóa là đáng kể so với chi phí mua hàng hóa và có thể khác nhau giữa các E-HSMT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

- + Số năm tính chi phí vòng đời: [ghi số năm];
- + Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: ____ [ghi tỷ lệ chiết khấu];
- + Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của hàng hóa được xác định theo cách thức: [ghi cách thức xác định];
- + Giá trị thanh lý;
- + Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- + Nhà thầu phải cung cấp các thông tin sau: _____ [nếu các thông tin nhà thầu phải cung cấp (nếu cần)].

e) Hiệu suất và công suất của thiết bị:

Để so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ trừ đi một khoản tiền tương ứng với mức chênh lệch về công suất, hiệu suất giữa đề xuất của nhà thầu và mức yêu cầu tối thiểu trong HSMT. Cụ thể như sau: _____ [ghi công thức điều chỉnh]. Ví dụ: 01% hoặc 01 đơn vị chênh lệch giữa hiệu suất và công suất của thiết bị mà E-HSMT chào ưu việt hơn so với mức yêu cầu tối thiểu trong HSMT được coi là tương đương với _____ [ghi số tiền mà Chủ đầu tư có thể có lợi do hiệu suất, công suất cao hơn].

g) Đấu thầu bền vững (nếu có): _____ [Trường hợp áp dụng tiêu chí này, chủ đầu tư, bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về môi trường, xã hội...so với mức yêu cầu tối thiểu].

h) Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã sử dụng;

i) Các tiêu chuẩn khác:

- Trường hợp trong phạm vi cung cấp có đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững như



yêu cầu về khí thải, mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu tái chế, tái sử dụng... thì Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc đồng thời với tiêu chí đạt/không đạt sẽ lượng hóa các yếu tố này thành tiền nếu vượt mức yêu cầu tối thiểu.

- Các tiêu chuẩn khác như thống kê kết quả thực hiện các gói thầu trước đó.

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSMT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSMT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;



trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Mục 7: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liên kế vào đàm phán hợp đồng.



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan đính kèm lên Hệ thống (Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)	X	
	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
	Mẫu số 01C. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)			X
	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X



	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
	Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
	Mẫu số 12.1. Bảng giá dự thầu của hàng hóa đối với Lô 09-1			X
	Mẫu số 12.2. Bảng giá dự thầu của hàng hóa đối với Lô khác (ngoài Lô 09-1)			X
	Mẫu số 13. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			X
	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X
	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X



Mẫu số 01A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾ (ký mã hiệu, nhà sản xuất)	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
	Theo tài liệu đính kèm tại Phụ lục 1: Phạm vi cung cấp, Phần 4. CÁC PHỤ LỤC			Theo YCKT đính kèm	Theo YCKT đính kèm	Viện NCKH&TK – LD Việt-Nga Vietsovpetro 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu	Trong vòng 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng	Trong vòng 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.



Mẫu số 01D (Scan đính kèm trên Hệ thống)

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Ghi nội dung dịch vụ 1				
2	Ghi nội dung dịch vụ 2				
..					
n	Ghi nội dung dịch vụ n				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.



VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ .

(chỉ áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(trích xuất từ hệ thống)

⁽¹⁾ Không áp dụng các quy định dưới đây:

“Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.”



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____[ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày_ tháng_ năm_ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ngày tháng năm (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
 - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
 - Hình thức xử lý khác [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____[ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____[ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:



Các bên nhất trí ủy quyền cho___ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau³:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;
- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây⁴:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh)	- Công việc 1: _____	_____ %	VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
				
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____	_____ %	VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
....				
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	VNĐ/USD

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án___ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành__ bản, mỗi bên giữ__ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

¹ Nhà thầu cập nhật.

² Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

³ Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc

của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi

phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày.....(Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:(Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án:(Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi:.....(tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu... , Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:
Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro
Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu
Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.



(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____[Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 06C (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY
KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày__tháng__đến ngày__ tháng__(nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Cột (8): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 10B (webform trên Hệ thống)

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hàng hoá thứ 1								
2	Hàng hoá thứ 2								
...									
n	Hàng hoá thứ n								

Ghi chú:

- Cột (2), (9), (10): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC;
- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền;
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 hoặc 12.2.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 12.1 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

ĐỐI VỚI LÔ 09-1

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam hoặc hàng hóa sản xuất, gia công ngoài Việt Nam nhưng đã nhập khẩu và đang chào tại Việt Nam

ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)
1								A1
2								A2
3								
4								
5								
.....								
n								
Tổng cộng giá dự thầu								$A=A1+A2+...+An$
Tiền thuế GTGT								T
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)								$M_1=A+T$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9): Nhà thầu điền;

Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước sẽ nhập về Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)
1								A1
2								A2
3								...
4								
5								
....								
n								
Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ. (Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)								$M_2 = A1 + A2 + \dots + A_n$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9): Nhà thầu điền;

Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Thành tiền (M) không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan, nhưng bao gồm tất cả các loại thuế, phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.

Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Căn cứ Điều 7 của Hiệp định liên Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2010 giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về hợp tác liên tục trong thăm dò địa chất, khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vietsovpetro được miễn thuế hải quan trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi xuất/nhập vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất chính của Vietsovpetro. Quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu dựa trên tổng trị giá hàng hóa bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan theo Danh mục hàng hóa miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1. Tổng giá trị hàng hóa nêu trên là giá trúng thầu và giá hợp đồng.

Mẫu số 12.2

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
ĐỐI VỚI LÔ KHÁC (NGOÀI LÔ 09-1)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam hoặc hàng hóa sản xuất, gia công ngoài Việt Nam nhưng đã nhập khẩu và đang chào tại Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)
1								A1	T1
2								A2	T2
...									
n								An	Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						A=A1+A 2+ ...+An	
		Tổng cộng giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có)							T=T1+T2+ ...+Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</i>							M₁=A+T

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

T1, T2, Tn: Nhà thầu tính toán và điền;

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9) (10): Nhà thầu điền;

- Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước sẽ nhập về Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	
									Thuế nhập khẩu	Thuế GTGT (VAT)
1	Goods 1							A1	T1a	T1b
2	Goods 2							A2	T2a	T2b
...										
n	Goods n							An	Tna	Tnb
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						A=A1+A 2+ ...+An		
		Thuế nhập khẩu							T1=T1 a+T2a + ...+Tna	
		Thuế GTGT (VAT)								T2=T1b +T2b+ ...+Tnb
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)						M₂=A+T1+T2		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

T1a, T2a, Tna; T1b, T2b, Tnb (type, calculation): Nhà thầu tính toán và điền;

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9) (10): Nhà thầu điền;

- Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Căn cứ Nghị định/Thông tư.....về việc tiếp tục hợp tác thăm dò địa chất, khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vietsovpetro được miễn thuế nhập khẩu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi đưa vào/ra vật tư, thiết bị, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được cho Lô.....Yêu cầu nhà thầu xác nhận có sử dụng hạn ngạch hay không. Trường hợp không sử dụng hạn ngạch, nhà thầu không phải chào riêng thuế nhập khẩu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Col. 3x7)
1							
2							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào. Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí)



BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.8 E-CDNT và Mục 4 Chương III.

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Các cột (1) (2) (3) (4): Nhà thầu điền theo yêu cầu trong Phần 4 CÁC PHỤ LỤC;
- Nhà thầu điền vào các cột (5), (6), (7), (8).

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên		Kê khai chi phí trong nước	
			Có	Không	Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1		☐	☐	☐	☐
2	Hàng hoá thứ 2		☐	☐	☐	☐
...	...					
n	Hàng hoá thứ n		☐	☐	☐	☐

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.

(5), (6): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 15B (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

- (1) : Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (5) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5), (6): Nhà thầu tính toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 15C (Scan đính kèm trên Hệ thống)



BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	G*	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hàng hoá thứ 1				
2	Hàng hoá thứ 2				
...	...				
n	Hàng hoá thứ n				

Ghi chú:

(1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (6) của Mẫu số 15A.

(2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5): Nhà thầu tính toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)



PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng

Mẫu số 18. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Viện NCKH&TK - Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro thông báo Quý Công ty đã trúng thầu gói thầu số: với các nội dung chính như sau:

- Giá trị trúng thầu: **VND** (Bằng chữ) đã bao gồm thuế GTGT.
- Loại hợp đồng:
- Thời hạn thực hiện hợp đồng:
- Thời gian ký kết Hợp đồng:/...../.....

Để đảm bảo việc hoàn thiện kí kết hợp đồng giữa hai bên, trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận được Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng, Bên B phải nộp giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% tổng giá trị hợp đồng (tương đương **VND**). Giấy bảo đảm này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Viện NCKH&TK - Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu rằng Quý Công ty không đồng ý hoàn thiện thủ tục và từ chối kí kết hợp đồng. Trong trường hợp này Quý Công ty sẽ không được nhận lại Bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-HSMT đã ban hành.

Quý công ty vui lòng gửi văn bản xác nhận chấp thuận kí kết hợp đồng trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn này.

Trân trọng.

Kính thư!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Biểu mẫu hợp đồng

V/v: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12

*Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH (14 đơn hàng Oracle: 28.NCKH-0101/25-TTH;
28.NCKH-0101/25ATTH; 28.NCKH-0101/25B-TTH; 28.NCKH-0101/25C-TTH;
28.NCKH-0101/25D-TTH; 28.NCKH-0101/25E-TTH; 28.NCKH-0101/25F-TTH;
28.NCKH-0101/25G-TTH; 28.NCKH-0101/25H-TTH; 28.NCKH-0101/25ITTH;
28.NCKH-0101/25J-TTH; 28.NCKH-0101/25K-TTH; 28.NCKH-0101/25L-TTH;
28.NCKH-0101/25M-TTH)*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ vào Báo cáo Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “*Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12*” đã được phê duyệt ngày tháng năm 2025 và thông báo chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng số/NCTK ngày tháng năm 2025 của Viên NCKH&TK;

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng này, gồm có:

**BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT – NGÀ VIETSOVPETRO – HỢP ĐỒNG CHIA
SẢN PHẨM DẦU KHÍ LÔ 09-3/12**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 0254.3839871 (2274) Fax: 0254.3563373

Tài khoản: 008.100.116.7753 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh
Vũng Tàu

Mã số thuế: 350 220 8871

Do Ông: **Đào Nguyên Hưng** - Viện trưởng Viện NCKH&TK làm đại diện theo Giấy ủy quyền số/UQ-PL ngày/..... của Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

Bên B:

Đĩa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

E-HSMT Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12. Người thực hiện: D.N.Q Trang – P. TM-DV – Viện NCKH&TK (5286).



Do Ông: Chức vụ: làm đại diện.

Hai Bên cùng thống nhất ký Hợp đồng này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán **vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12** (sau đây gọi tắt là “hàng” hoặc “ hàng hóa”) với tên hàng, xuất xứ, số lượng, đơn giá và tổng giá trị hàng hóa phù hợp với Phụ lục số 01 đính kèm và là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Quy cách, số lượng, chất lượng, chủng loại, ký mã hiệu hàng hóa, hãng sản xuất, nước sản xuất, và có những thông số kỹ thuật khác của hàng hóa do Bên B cung cấp phải hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này (Hàng hóa là hàng chính hãng, hàng mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng, trong tình trạng sử dụng tốt và phải được đóng gói đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị hỏng hóc, rách vỡ. Năm sản xuất: Mực in phải là hàng chính hãng và có thời hạn sản xuất ko sớm hơn tháng 6/2024).

Điều kiện môi trường sử dụng (điều kiện khí hậu, an toàn chống cháy, nổ): Sử dụng vật tư nguyên vật liệu với điều kiện nhiệt độ bình thường.

Điều kiện công nghệ - kỹ thuật nơi sử dụng vật tư (chế độ làm việc, áp suất và nhiệt làm việc cũng như các thông số khác của hạng mục sản xuất): sản phẩm mực in, mực vẽ, mực photocopy phù hợp với các loại máy móc. Tính chất lý hóa của môi trường làm việc, sản phẩm: bình thường.

ĐIỀU 3. GIAO NHẬN, KIỂM TRA HÀNG HÓA

- 3.1. Thời hạn giao hàng là trong vòng 2 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng. Hàng hóa phải phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng này.
- 3.2. Hàng hóa được giao 01 lần tại kho của Bên A tại 105 Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu. Bên B, bằng nhân lực, phương tiện và chi phí của mình, thực hiện việc bốc dỡ hàng hóa từ phương tiện của mình.
- 3.3. Hàng hoá khi giao nhận phải được Bên B giao đầy đủ các loại giấy tờ sau đây:
 - Chứng nhận bảo hành chất lượng của hàng hóa (bản gốc).
 - Tài liệu, catalogue hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- 3.4. Trước khi giao hàng ít nhất 02 ngày, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết về số lượng, quy cách đóng gói hàng hoá để Bên A bố trí nhân lực và phương tiện để kiểm tra và tiếp nhận hàng hoá. Người của Bên B đến giao hàng phải có giấy giới thiệu của người đại diện ký Hợp đồng của Bên B.
- 3.5. Khi giao nhận hàng, hai Bên tiến hành kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng này và lập Biên bản giao nhận và nghiệm thu hàng hóa trong đó ghi rõ số lượng, tình trạng, chất lượng và các hồ sơ giao kèm hàng hóa. Biên bản này phải được đại diện có



thẩm quyền của hai Bên cùng ký để làm cơ sở cho việc thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Tổng giá trị của Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT: VND

(Bằng chữ.....).

Trong đó:

- Tổng giá trị hàng hóa: VND

- Thuế GTGT (.....%): VND

4.2. Giá trị Hợp đồng nêu trên là trọn gói và được tính trên cơ sở giao hàng tại kho của Bên A, bao gồm giá trị hàng hóa và các loại thuế, phí do Bên B chi trả như phí vận chuyển, đóng gói, bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, v.v. và các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này. Giá Hợp đồng trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

4.3. Thuế GTGT được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành tại thời điểm phát hành hóa đơn.

4.4. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hàng hóa đã nghiệm thu bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày phòng Kế toán của Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (Bản gốc);
- Hóa đơn thuế GTGT (Bản gốc);
- Biên bản giao nhận và nghiệm thu hàng hóa quy định ở Điều 3 của Hợp đồng này (Bản gốc);
- Các hồ sơ giao kèm hàng hóa quy định tại khoản 3.3, Điều 3 của Hợp đồng này.

4.5. Bên A chỉ thanh toán cho Bên B đối với hàng hóa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu nêu trong Hợp đồng.

4.6. Số tài khoản của Bên B được nêu tại trang 1 của Hợp đồng này là cố định, duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Bên B.

4.7. Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

4.8. Thông tin xuất hóa đơn:

- Tên người mua hàng:
- Tên Đơn vị: LIÊN DOANH VIỆT – NGÀ VIETSOVPETRO – HỢP ĐỒNG CHIA SẢN PHẨM DẦU KHÍ LÔ 09-3/12
- Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.



- Mã số thuế: 3502208871.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

- 5.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng của hàng hóa với thời hạn bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- 5.2. Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 07 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành Biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm thay thế hàng mới/sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về Bên nào và thời hạn thay thế/sửa chữa các hư hỏng đó.
- 5.3. Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 15 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành sửa chữa các sai sót về chất lượng hoặc đổi lại hàng mới cho Bên A.
- 5.4. Trong thời hạn 07 ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của mình và có trách nhiệm phải sửa chữa các sai sót đó hoặc đổi lại hàng mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
- 5.5. Nếu Bên B tiến hành sửa chữa hoặc đổi lại hàng mới bị chậm so với thời hạn quy định tại Khoản 5.3 và 5.4 của Điều này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như quy định tại Khoản 7.1 (Điều 7 Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng) của Hợp đồng này.
- 5.6. Trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, nếu Bên B không tiến hành sửa chữa các sai sót về chất lượng do lỗi của mình hoặc đổi lại hàng mới thì Bên A có quyền tiến hành khắc phục (sửa chữa hoặc thay hàng mới) và Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ chi phí khắc phục, đồng thời phải chịu phạt 08% giá trị của mặt hàng này. Cách thức Bên A thu hồi tiền phạt từ Bên B quy định tại Khoản 7.7 (Điều 7 Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng) của Hợp đồng này.
- 5.7. Hàng hóa sau khi được Bên B sửa chữa/thay thế (nếu có) trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành theo đúng quy định tại Khoản 5.1 của Điều này.

ĐIỀU 6: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

- 6.1. Trong vòng **05 ngày làm việc** sau khi nhận được Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng, Bên B phải nộp bản gốc Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (bản gốc) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được Bên A chấp nhận. Giá trị Bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng 03% tổng giá trị Hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện Hợp đồng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.

- 6.2. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.
- 6.3. Trong thời gian quy định tại Khoản 6.1 nêu trên, Bên B không nộp bản gốc Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên A thì Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực và Bên A sẽ tịch thu bảo đảm dự thầu của Bên B.
- 6.4. Bên B không được nhận lại giá trị Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/ không thực hiện Hợp đồng sau khi Hợp đồng có hiệu lực.
- 6.5. Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 6.6. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm thực hiện Hợp đồng hoặc gia hạn thời hạn thực hiện Hợp đồng, đồng thời gửi ngay cho Bên A Bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 7.1. Nếu Bên B giao hàng chậm, không đúng thời hạn như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức:
- 0,2%/ngày lịch trên tổng giá trị hàng giao chậm cho 10 ngày chậm đầu tiên;
 - 0,3%/ngày lịch trên tổng giá trị hàng giao chậm cho những ngày chậm tiếp theo;
 - Tổng số tiền phạt không vượt quá 08% giá trị Hợp đồng.
- 7.2. Nếu Bên B không giao đủ hàng hóa như quy định ở Phụ lục số 1 của Hợp đồng này thì Bên B vi phạm nghĩa vụ giao hàng và phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 7.3. Nếu Bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng như quy định tại Hợp đồng này thì Bên A có quyền không nhận hàng và phạt Bên B theo mức phạt không giao đủ hàng như quy định tại Khoản 7.1 của Điều này. Bên A có quyền chấp nhận/ không chấp nhận việc Bên B sẽ cung cấp hàng mới thay thế cho hàng không đảm bảo chất lượng trên.
- 7.4. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 20 ngày so với thời gian quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 7.5. Tổng các loại phạt không vượt quá 08% giá trị Hợp đồng.
- 7.6. Giá trị Hợp đồng bị vi phạm ghi ở Điều này của Hợp đồng này là giá trị không bao gồm thuế GTGT.



- 7.7. Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền:
- Khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các Hợp đồng khác được ký kết giữa hai Bên;
 - Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thanh toán trên khoản tiền Bên B mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên A;
 - Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán;
 - Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 7.8. Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất), dịch bệnh.
- 8.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm Hợp đồng.
- 8.3. Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 8.4. Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 8.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi Bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 8.6. Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 05 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho Bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 8.7. Các khó khăn như thiếu vật tư, nhân công, tài chính, v.v... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng chậm.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 9.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.



- 9.2.** Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Mọi chi phí liên quan đến việc tranh chấp sẽ do Bên thua kiện gánh chịu.

ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 10.1.** Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 10.2.** Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được các Bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 10.3.** Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 10.4.** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các Bên thực hiện hết các trách nhiệm của mình như quy định trong Hợp đồng này.
- 10.5.** Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu các Bên không có tranh chấp hoặc khiếu nại gì thì coi như Hợp đồng này đã được thanh lý.
- 10.6.** Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

VIỆN TRƯỞNG

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

.....

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày tháng năm⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng năm (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu:

Phụ lục 1: Phạm vi cung cấp

Phụ lục 2: Yêu cầu kỹ thuật

Phụ lục 3: Tiêu chí đánh giá kỹ thuật



PHỤ LỤC 1: PHẠM VI CUNG CẤP

E-HSMT Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: Mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công việc Dịch vụ Lô 09-3/12. Người thực hiện: D.N.Q Trang – P. TM-DV – Viện NCKH&TK (5286).

Trang 103





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Thiết kế thi công giếng khoan và cấu trúc thiết bị lòng giếng CT-212XP

SỐ ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	100,00
2	00.053.010.00224	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10,00
3	00.053.007.00102	Giấy cuộn cho máy vẽ 914x45.7 mm Бумажные рулоны для плоттеров	Q1397A Định lượng: 80 gsm Kích thước: 914 x 45,7 mm	Cuộn	2,00
4	00.053.001.00436	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	29,00
5	00.053.001.00434	Bút chì đen - Карандаш	Xukiva 168-Gồm 7 ngăn-Kích thước: 10,8 x 10,6 x 9,2 cm	Cái	6,00
6	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	13,00
7	00.051.008.01971	Ổ cứng gắn trong/жесткий диск SSD Silicon 1TB A55	Ổ cứng gắn trong SSD Silicon 1TB A55 SATA III	Cái	2,00
8	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	44,00
9	00.055.014.00176	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Bộ	1,00
10	00.051.008.02382	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2,00
11	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В	Pin Alkaline	Cục	40,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vỉ 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	40,00
13	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	30,00
14	00.010.003.00681	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3,00
15	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	3,00
16	00.053.001.00438	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	12,00
17	00.053.038.01100	Стержни для карандашей/ Ruột chì kim	Độ dài: 60mm Cỡ nét: 0.5 mm Độ đậm: 2B Đóng gói: 12 cây ruột chì/tuýp	Cái	32,00
18	00.051.008.02259	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	1,00
19	00.055.039.00068	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	1,00
20	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5,00
21	00.051.008.01711	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2TB	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	1,00
22	00.053.015.00009	Gọt bút chì- Точилка	0137 (SDI)	Cái	5,00
23	00.053.020.01020	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	3,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	00.053.020.01117	Картридж / Mực photo Xerox CT 201827	Fuji Xerox DC IV 6080/7080 (có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2,00
25	00.053.020.01130	Картридж / Mực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Thiết kế thi công giếng khoan và cấu trúc thiết bị lòng giếng CT-213

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25A-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	75,00
2	00.053.010.00224	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Cái	15,00
3	00.053.012.00352	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	100,00
4	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	10,00
5	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	42,00
6	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батареи size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	42,00
7	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -КНЪН GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20,00
8	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	24,00
9	00.055.017.00535	Dao ăn Thái Lan - Канцелярский нож Нож	Gỗ, đầu tròn, Kiwi	Cái	8,00
10	00.051.008.01711	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2TB	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	3,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	00.051.008.01971	Ổ cứng gắn trong/жесткий диск SSD Silicon 1TB A55	Ổ cứng gắn trong SSD Silicon 1TB A55 SATA III	Cái	2,00
12	00.053.035.00025	Tẩy chì - Ластик	Zeh-05. Pentel, bọc giấy bìa	Cái	10,00
13	00.053.005.00161	КНОПКА БУМАЖНАЯ БОЛЬШАЯ 23/8 - Ghim đóng sách lớn	Kw trio 23/8, Chính hãng	Hộp	5,00
14	00.053.005.00160	КНОПКА БУМАЖНАЯ 23/10 - Ghim đóng sách lớn	Kw trio 23/10, Chính hãng	Hộp	5,00
15	00.053.001.00438	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	10,00
16	00.053.018.00031	thước kẻ nhựa 30,20 cm- линейка	20 cm Kim Nguyên;Chiều dài: 20 cm Chất liệu: Nhựa cao cấp Vạch kẻ in số rõ ràng	Cái	5,00
17	00.053.004.00325	Bià nhựa cho giấy A4 (My Clear) Пластиковая пленка для бумаги формата А4	My clear bag	Cái	20,00
18	00.053.010.00231	Giấy đề cal khổ A4 - Самоклеющаяся бумага A4	Loại: giấy in decal để xanh Đóng gói: 100 tờ/tập	Tập (F)	3,00
19	00.053.037.00091	Rổ nhựa đựng hồ sơ -Magazin file -Лоток для бумаг	No.187 Màu: xanh dương, xanh lá, xám Chất liệu: nhựa Trọng lượng: 300 gr Kích thước: 30*12*10 cm	Cái	10,00
20	00.053.020.01020	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	2,00
21	00.053.020.01336	Mực in canon 054 BK-Картридж для принтера 054 BK	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1,00
22	00.053.020.01337	Mực in canon 054 C-Картридж для принтера 054 C	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23	00.053.020.01338	Mực in canon 054 Y-Картридж для принтера 054 Y	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1,00
24	00.053.020.01339	Mực in canon 054 M-Картридж для принтера 054 M	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1,00
25	00.051.008.02382	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2,00
26	00.053.020.01130	Картридж / Mực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	1,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Thiết kế thi công giếng khoan và cấu trúc thiết bị lòng giếng CT-206

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25B-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	85,00
2	00.053.010.00224	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10,00
3	00.053.007.00102	Giấy cuộn cho máy vẽ 914x45.7 mm Бумажные рулоны для плоттеров	Q1397A Định lượng: 80 gsm Kích thước: 914 x 45,7 mm	Cuộn	2,00
4	00.053.037.00094	Hộp cắm bút - Органайзер	Xukiva 168 Gồm 7 ngăn Kích thước: 10,8 x 10,6 x 9,2 cm	Cái	12,00
5	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	11,00
6	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	25,00
7	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батареи size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30,00
8	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	50,00
9	00.053.001.00441	Bút trình chiếu - ручки слайдер	Bút Trình Chiếu Tivi Bảng Led Doosl Dsit036 Cao Cấp	Cái	1,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.053.038.00917	Giấy đánh dấu trang- sign here-post-it-3M- Закладки цветные	1 IN/POx1,7 IN/PO 25,4X43,2 MM	Tập (F)	24,00
11	00.010.003.00681	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3,00
12	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	10,00
13	00.053.006.00166	Ghim kẹp - СКРЕПКИ	Giấy văn phòng C82	Hộp	40,00
14	00.053.004.00323	Cặp nhựa 2 kẹp 24x35cm СШИВАТЕЛЬ	2 kẹp	Cái	16,00
15	00.051.008.01711	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2TB	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	2,00
16	00.053.016.00171	Sổ tay công tác có logo Viện NIPI-Рабочая тетрадь имеет логотип Института НИПИ.	Giấy dày, đẹp, có logo Viện NCKH&TK Sổ bìa da có nắp gài Kích thước bìa sổ A5: 17 x 23 cm Số trang: 100 tờ = 200 trang giấy Còng 6 lỗ inox	Cuốn	3,00
17	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	2,00
18	00.053.020.01274	картридж / CT203400 Toner Cartridge K	cho máy photocopy đen trắng Fuji xerox AP 4570/5570 (có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2,00
19	00.053.020.01130	Картридж / Мực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2,00
20	00.053.020.01091	Mực photo Xerox CT 201734 – Картридж для принтера Xerox CT 201734	Fuji Xerox DC IV 3065/3060/2060 có tem nhà SX(có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2,00
21	00.053.020.01043	Mực photo Xerox CT202109 – Картридж для принтера Xerox CT202109	Dùng cho máy photo 2005/2055/3005/2007/3007/236/286/336	Hộp	2,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA nút via thủy lực giềng CT-206

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25C-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5,00
2	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1,00
3	00.051.008.02382	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	1,00
4	00.053.004.00324	Cặp trình ký - Папка - планшет A4	Trình ký bìa da Kingjim	Cái	3,00
5	00.041.005.00547	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	8,00
6	00.041.005.00549	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	8,00
7	00.041.005.00548	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	2 mặt 5cm	Cuộn	8,00
8	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -КХАНH GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20,00
9	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.053.001.00251	Ruột bút parker /Чернила для ручки Parker	ruột dạ parker 0.7	Cái	5,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Công nghệ mỏ, công nghệ khai thác mỏ Cá Tầm năm 2025
Lô 09-3/12 / Разработка и технология добыча нефти месторождения Ка Там Блока 09-3/12 на 2025 г.

SỐ ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25D-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	34,00
2	00.053.010.00224	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10,00
3	00.053.020.01039	Carttridge/ Mực in CE271A Cyan	Mực in CE271A Cyan cartridge, dùng cho máy HP color LaserJet CP5525 (có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	1,00
4	00.053.016.00171	Sổ tay công tác có logo Viện NIPI-Рабочая тетрадь имеет логотип Института НИПИ.	Giấy dày, đẹp, có logo Viện NCKH&TK Sổ bìa da có nắp gài Kích thước bìa sổ A5: 17 x 23 cm Số trang: 100 tờ = 200 trang giấy Còng 6 lỗ inox	Cuốn	10,00
5	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1,00
6	00.055.014.00176	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Mình Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1,00
7	00.051.008.02382	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2,00
8	00.052.002.00122	Калькулятор - Máy tính tay Casio JS-40TS	JS 40B 14 số, hàng chính hãng	Cái	1,00
9	00.052.002.00120	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	2,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	10,00
11	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vĩ 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30,00
12	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vĩ 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30,00
13	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	2,00
14	00.053.020.01020	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	2,00
15	00.010.003.00681	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Đảm bảo dòng chảy cho mỏ Cá Tầm / Обеспечение транспорта продукции месторождения Белуга

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25E-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	10,00
2	00.053.001.00432	Bút viết bảng - Фломасте	Thiên Long WB-03	Cái	7,00
3	00.053.001.00434	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	35,00
4	00.053.001.00438	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	5,00
5	00.053.012.00352	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	10,00
6	00.053.012.00351	Bìa màu thơm in thiệp - Цветной картон	Nhãn hiệu: A-one Khổ A4 - 100 tờ/tập	Tập (F)	1,00
7	00.053.012.00345	Bìa nhựa trong khổ A4 để đóng sách - Пластиковая обложка для переплета A4	Khổ A4 - 100 tờ/ tập, Hàng loại 1	Tập	1,00
8	00.053.004.00324	Cặp trình ký - Папка - планшет A4	Trình ký simily A4 Kingstar Kích thước: 31 x 22,5 cm	Cái	5,00
9	00.053.029.00285	Bìa ni lông A4 hiệu ACCO-пластиковая крышка A4 - --	Hai mặt trắng - xanh, có nẹp nhựa giữ giấy	Cái	20,00
10	00.053.006.00166	Ghim kẹp - СКРЕПКИ	Giấy văn phòng C82	Hộp	3,00
11	00.053.005.00158	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	2,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	00.053.002.00114	Bấm ghim số 10 / Степлер № 10	KW-triO số 10	Cái	2,00
13	00.053.037.00092	Hộp đựng tài liệu có nắp 26X36X9cm - Коробка для документов	Kích thước 26x36x9cm	Cái	2,00
14	00.041.005.00550	Băng keo vải đóng sách (Simily) -Скотч для переплёта документов	Có bố lót keo ngoại, dày 5cm màu xanh dương	Cuộn	5,00
15	00.041.005.00548	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	2 mặt , rộng 5F - 8 yard	Cuộn	1,00
16	00.025.002.00276	Găng tay cao su làm việc hóa chất Резиновые перчатки для химической обработки	Dùng để chống hóa chất	Đôi	15,00
17	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20,00
18	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	200,00
19	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	400,00
20	00.031.001.00099	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	10,00
21	00.031.001.00105	Xà bông cục/мыло	Safeguard	Cục	3,00
22	00.031.007.00103	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	10,00
23	00.031.007.00102	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10,00
24	00.010.003.00681	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	6,00
25	00.055.017.00535	Dao ăn Thái Lan - Канцелярский нож Нож	Gỗ, đầu tròn, Kiwi	Cái	7,00
26	00.055.014.00174	Ấm đun nước điện- Электрочайник -ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	2,00
27	00.055.014.00176	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
28	00.055.039.00068	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	2,00
29	00.009.004.00687	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vì 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30,00
30	00.009.004.00686	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батареи size AAA, 1.5V (1 vì 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30,00
31	00.052.002.00122	Калькулятор - Máy tính tay Casio JS-40TS	JS 40B 14 số, hàng chính hãng	Cái	1,00
32	00.052.002.00120	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	1,00
33	00.051.008.01775	USB 64ГБ/Флэш диск 64ГБ	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5,00
34	00.051.008.02259	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	3,00
35	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	2,00
36	00.055.010.00144	вентилятор/ Quạt đứng, quạt treo Вентинлятор вертикальный	Công suất: 55W Ngang: 46,5 cm, cao: 110,5 - 139,5 cm, sâu: 46,5 cm Nặng: 6kg	Cái	3,00
37	00.051.008.02382	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2,00
38	00.053.020.01045	Mực in HP CF226A -Картридж для принтера HP CF226A	Mực CF226A dùng cho máy in laserjet Pro 402A/ M426.(có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	2,00
39	00.055.021.00123	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	30,00
40	00.053.020.01044	Mực máy fax đa chức năng TN - 2385 – Картридж для принтера TN-2385	Mực Laser cho máy HL-L2361DN, 2321, 2366, 2701D, 2701DW - 2.600 trang tiêu chuẩn	Hộp	4,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Chi phí đánh giá các lô hóa phẩm/ Анализ и оценка партий химреагентов

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25F-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	14,00
2	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20,00
3	00.053.001.00435	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	20,00
4	00.053.035.00025	Tẩy chì - Ластик	Zeh- 05; Pentel- loại trung, có tem	Cái	8,00
5	00.041.005.00547	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	6,00
6	00.041.005.00549	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	5,00
7	00.053.013.00155	Hồ dán giấy - Клей для бумаги	Glue Stick 22g	Lọ	7,00
8	00.053.013.00174	синтетический клей/ Кеo dán tổng hợp	502 - Hàng loại 1	Hộp	4,00
9	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	F103 Kích thước: 210 mm Chất liệu: lưới thép không gỉ, cán nhựa	Cái	7,00
10	00.053.015.00009	Gọt bút chì- Точилка	0137 (SDI)	Cái	4,00
11	00.053.006.00168	Kẹp sắt đen 15MM - зажим для бумага	15mm - Stacom	Hộp	20,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	00.053.006.00172	Kẹp sắt đen loại 19mm СКРЕПКИ БОЛШИЕ 19ММ	19mm - Stacom	Hộp	20,00
13	00.053.006.00167	Kẹp sắt đen loại 25mm - зажим для бумага	25mm - Stacom	Hộp	20,00
14	00.053.006.00169	Kẹp sắt đen loại 32 mm/ Зажим для бумаги 32мм скрепки	32mm - Stacom	Hộp	20,00
15	00.025.002.00247	Bao tay nilong dùng trong phòng TN Перчатки нейлоновые - --	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên Hàm lượng bột: ≤ 2mg/găng tay Màu: màu cao su tự nhiên Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp. 1 cái = 2,5 gram. 1 kg = 4 hộp	kg	7,00
16	00.055.030.00561	TÚI NILON ĐỰNG MẪU Пластиковые пакеты для мусора	Loại 20x30cm, loại zip	kg	5,00
17	00.025.002.00248	Bao tay nilon y tế Медицинские перчатки - --	Latex-vglove (Có bột) Đóng gói: 100 găng tay (50 cặp găng)/hộp	Hộp	4,00
18	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробне	Pulppy 180 tờ/hộp	Hộp	20,00
19	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40 cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	50,00
20	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	An an 2 lớp dùng để lau mẫu	Cuộn	400,00
21	00.031.001.00099	Xà bông bột -Стиральный порошок	380gr	Bịch	10,00
22	00.031.007.00103	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	10,00
23	00.031.007.00102	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Dung tích: 400ml/chai	Chai	10,00
24	00.055.014.00174	Ấm đun nước điện- Электрочайник -ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	2,00
25	00.055.014.00176	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26	00.055.039.00068	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	2,00
27	00.055.021.00123	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	50,00

—





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Phóng Pig làm sạch đường ống Mỏ Cá Tầm trong năm 2025/ Запуск скребков для очистки трубопровода м/р Белуга в 2025г

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25G-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5,00
2	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	5,00
3	00.053.001.00435	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	5,00
4	00.053.001.00436	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	20,00
5	00.053.001.00437	Bút lông dầu Маркеры	Marker , màu xanh và đen, Thiên Long PM04	Cái	20,00
6	00.053.001.00433	Bút xóa - Корректор	Thiên Long CP-02	Cái	15,00
7	00.053.001.00434	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	10,00
8	00.053.014.00121	Dao rọc giấy Резак для бумаги	SDI 0404 Kích cỡ lưỡi dao: 09 mm	Cái	9,00
9	00.025.002.00276	Găng tay cao su làm việc hóa chất Резиновые перчатки для химической обработки	Dùng để chống hóa chất	Đôi	10,00
10	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	50,00
11	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	300,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	00.031.001.00099	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	8,00
13	00.031.007.00103	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	6,00
14	00.031.007.00102	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10,00
15	00.055.021.00123	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	50,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Lấy mẫu và phân tích phục vụ Hợp đồng thu gom khí AGGA mô Cá Tầm năm 2025 (2 đợt độc lập + 2 đợt Kết hợp)/ Отбор проб и анализ для контракта на сбор газа AGGA на месторождении «Ca Tam» в 2025 году (2 отдельные этапы + 2 комбинированные этапы).

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25H-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	10,00
2	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	15,00
3	00.053.001.00435	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	8,00
4	00.041.005.00547	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	15,00
5	00.041.005.00549	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	15,00
6	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	25,00
7	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20,00
8	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	100,00
9	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Akaline	Cục	30,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30,00
11	00.053.020.01089	КАРТРИДЖ/ Mực in HP CE 255A	Mực HP CE255A dùng cho máy in HP P3015; P3010 (có tem chống hàng giả hãng HP)	Hộp	1,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Phân tích mẫu PVT/ Анализ образцов PVT

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25I-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата А4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	20,00
2	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20,00
3	00.053.001.00435	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	30,00
4	00.041.005.00549	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	20,00
5	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	50,00
6	00.025.015.00020	Áo choàng trắng- trang bị bảo hộ-ХАЛАТ(new) Халат белый (новый)	Vải kate loại tốt, màu trắng	set	10,00
7	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	40,00
8	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	100,00
9	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30,00
11	00.031.007.00103	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	2,00
12	00.031.007.00102	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	2,00
13	00.053.001.00438	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	7,00
14	00.030.018.00019	Bình xịt muỗi Спрей комара	Raid - hương chanh	Chai	2,00
15	00.053.020.01020	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	1,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Phân tích mẫu dầu và nước phục vụ quản lý mỏ/ Анализ образцов Нефти и Воды

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25J-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20,00
2	00.053.001.00437	Bút lông dầu Маркеры	Marker , màu xanh và đen, Thiên Long PM04	Cái	10,00
3	00.053.001.00433	Bút xóa - Корректор	Thiên Long CP-02	Cái	10,00
4	00.053.001.00434	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	10,00
5	00.053.001.00438	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	5,00
6	00.053.018.00031	thước kẻ nhựa 30,20 cm- линейка	20 cm Kim Nguyên;Chiều dài: 20 cm Chất liệu: Nhựa cao cấp Vạch kẻ in số rõ ràng	Cái	5,00
7	00.053.012.00352	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	40,00
8	00.053.005.00158	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	10,00
9	00.041.005.00547	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	5,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	00.041.005.00550	Băng keo vải đóng sách (Simily) -Скотч для переплёта документов	Có bố lót keo ngoại, dày 5cm màu xanh dương	Cuộn	5,00
11	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	5,00
12	00.053.006.00168	Kẹp sắt đen 15MM - зажим для бумага	15mm - Stacom	Hộp	10,00
13	00.053.006.00172	Kẹp sắt đen loại 19mm СКРЕПКИ БОЛШИЕ 19MM	19mm - Stacom	Hộp	10,00
14	00.053.006.00169	Kẹp sắt đen loại 32 mm/ Зажим для бумаги 32мм скрепки	32mm - Stacom	Hộp	10,00
15	00.053.006.00171	Kẹp giấy đen 41mm -Зажим для бумаги 41mm Зажим для бумага 41mm	41mm - Stacom	Hộp	5,00
16	00.053.017.00012	Tập học sinh-kнига Тетрадь	định lượng 100 trang cả bìa/ tập.	Cuốn	10,00
17	00.025.002.00248	Bao tay nylon y tế Медицинские перчатки - --	Glove, loại trung	Hộp	10,00
18	00.053.021.00173	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	200,00
19	00.031.001.00099	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	2,00
20	00.031.007.00102	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10,00
21	00.031.007.00103	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	5,00
22	00.051.008.01645	Con chuột máy vi tính MOUSE Компьютерная мышь	B100 Kiểu kết nối: có dây Dạng cảm biến: Optical Độ phân giải: 800DPI Màu: đen	Cái	2,00
23	00.025.004.00127	Khẩu trang y tế- Медицинские маски	50 cái/hộp	Hộp	5,00
24	00.025.004.00128	Khẩu trang có than hoạt tính - САНИТАРНЫЕ МАСКИ	4 lớp chống khí ô nhiễm	Cái	50,00
25	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -КНАН GIẤY салфетки в коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	25,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	30,00
27	00.052.002.00120	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	2,00
28	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5,00
29	00.025.002.00247	Bao tay nilong dùng trong phòng TN Перчатки нейлоновые - --	Loại tốt	kg	5,00
30	00.053.020.01272	Картридж/Mực in HP 76A- CF276A	Dùng cho máy in HP M404N/M404DN/M404DW, MFP M428FDW/M428FDN (có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	2,00
31	00.053.020.01084	КАРТРИДЖ /Mực in CE285A	Mực in CE285A for HP Laserjet P1102/P1102W, 1212nf, M1132mfp(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	1,00
32	00.055.014.00174	Ấm đun nước điện- Электрочайник -ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	1,00
33	00.051.008.02259	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	2,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Vận hành bảo dưỡng giàn CTC1, CTC2 và các thiết bị trên Block 09-1/ Эксплуатация и обслуживание БК CTC1, CTC2 и оборудования на Блоке 09-1.

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25K-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5,00
2	00.053.010.00224	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	5,00
3	00.053.012.00349	Bìa đóng sách A4 - Картон для переплета A4	Láng bóng dày (Xấp = 100 tờ), xanh dương	Tờ	5.000,00
4	00.053.012.00345	Bìa nhựa trong khổ A4 để đóng sách - Пластиковая обложка для переплета A4	Khổ A4 - 100 tờ/ tập, Hàng loại 1	Tập	5,00
5	00.055.014.00175	Bình thủy điện/Электротермос	Tiger 5 lít	Cái	1,00
6	00.053.020.01091	Mực photo Xerox CT 201734 – Картридж для принтера Xerox CT 201734	Fuji Xerox DC IV 3065/3060/2060 có tem nhà SX(có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	1,00
7	00.051.008.01775	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	3,00
8	00.010.003.00681	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	2,00
9	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	15,00
10	00.053.001.00436	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	10,00



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	9,00
12	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Lập kế hoạch và triển khai thực hiện RBI cho phần dưới nước chân đế cho giàn CTC1, CTC2 và 5 tuyến ống ngầm năm 2025 / Планирование RBI для подводной части платформ CTC-1, CTC-2 и 5 подводных трубопроводов в 2025 году

Số ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25L-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5,00
2	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -КНՒՆ GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20,00
3	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1,00
4	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20,00
5	00.053.002.00114	Bấm ghim số 10 / Степлер № 10	KW-triO số 10	Cái	6,00
6	00.053.005.00158	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	20,00
7	00.053.014.00122	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	10,00
8	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20,00





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Mua VPP DA Lập chương trình khảo sát phần khí quyển chân đế cho giàn CTC-1, CTC-2 và Lập chương trình khảo sát phần dưới nước chân đế giàn CTC-2 năm 2025 Разработка программы ежегодных обследований для поддержания сертификации БК CTC-1, CTC-2 и Разработать программу исследований подводной части основания платформы CTC-2 в 2025 г

SỐ ĐHXN - № заявки: 28.NCKH-0101/25M-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
1	00.053.010.00230	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5,00
2	00.053.038.00915	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	10,00
3	00.055.021.00120	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	10,00
4	00.051.008.02114	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1,00
5	00.041.005.00547	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	5,00
6	00.041.005.00548	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	5cm, 80ya	Cuộn	5,00
7	00.009.004.00687	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	10,00
8	00.009.004.00686	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батареи size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	10,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9	00.053.001.00431	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20,00



PHỤ 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT

Mua vật tư, văn phòng phẩm

Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: 28.NCKH-0101/25-TTH; 28.NCKH-0101/25A-TTH; 28.NCKH-0101/25B-TTH; 28.NCKH-0101/25C-TTH; 28.NCKH-0101/25D-TTH; 28.NCKH-0101/25E-TTH; 28.NCKH-0101/25F-TTH; 28.NCKH-0101/25G-TTH; 28.NCKH-0101/25H-TTH; 28.NCKH-0101/25I-TTH; 28.NCKH-0101/25J-TTH; 28.NCKH-0101/25K-TTH; 28.NCKH-0101/25L-TTH; 28.NCKH-0101/25M-TTH.

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG VẬT TƯ:

- Mục đích sử dụng: Phục vụ công việc sản xuất
- Điều kiện môi trường sử dụng (điều kiện khí hậu, an toàn chống cháy, nổ): Sử dụng vật tư nguyên vật liệu với điều kiện nhiệt độ bình thường

2. ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG VẬT TƯ:

- Điều kiện công nghệ - kỹ thuật nơi sử dụng vật tư (chế độ làm việc, áp suất và nhiệt làm việc cũng như các thông số khác của hạng mục sản xuất): sản phẩm mực in, mực vẽ, mực photocopy phù hợp với các loại máy móc.
- Tính chất lý hóa của môi trường làm việc, sản phẩm: bình thường.

3. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA:

- Hàng hóa phải mới 100%, nguyên đai nguyên kiện và chưa qua sử dụng.
- Năm sản xuất: Mực in phải là hàng chính hãng và có thời hạn sản xuất ko sớm hơn T6/2024 .
- Mực hàng phải phù hợp với miêu tả, đặc tính kỹ thuật như danh mục liệt kê dưới đây hoặc tương đương. Hàng hóa cung cấp được coi là phù hợp tương đương nếu chúng phù hợp các thông số kỹ thuật, kích thước mô tả và các yêu cầu về nhiệt độ và môi trường làm việc .Trong chào hàng cần ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư
- Thời hạn bảo hành: Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

1. ĐH 28.NCKH-0101/25-TTH :

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Бьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	100	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
2	Giấy in khổ A3 - Бумага формата А3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10	
3	Giấy cuộn cho máy vẽ 914x45.7 mm Бумажные рулоны для плоттеров	Q1397A Định lượng: 80 gsm Kích thước: 914 x 45,7 mm	Cuộn	2	
4	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	29	
5	Bút chì đen - Карандаш	Xukiva 168-Gồm 7 ngăn-Kích thước: 10,8 x 10,6 x 9,2 cm	Cái	6	
6	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	13	
7	Ổ cứng gắn trong/жесткий диск SSD Silicon 1TB A55	Ổ cứng gắn trong SSD Silicon 1TB A55 SATA III	Cái	2	
8	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ - KHĂN GIẤY салфетки в коробке	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	44	
9	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Bộ	1	
10	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2	
11	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Akaline	Cục	40	
12	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарейки size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Akaline	Cục	40	
13	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	30	
14	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3	
15	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	3	
16	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	12	
17	Стержни для карандашей/ Ruột chì kim	Độ dài: 60mm Cỡ nét: 0.5 mm Độ đậm: 2B Đóng gói: 12 cây ruột chì/tuýp	Cái	32	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
18	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	1	
19	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	1	
20	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5	
21	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2TB	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	1	
22	Gọt bút chì- Точилка	0137 (SDI)	Cái	5	
23	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	3	
24	Картридж / Мực photo Xerox CT 201827	Fuji Xerox DC IV 6080/7080 (có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2	
25	Картридж / Мực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2	

2. ĐH 28.NCKH-0101/25A-TTH :

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	75	
2	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Cái	15	
3	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	100	
4	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	10	
5	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vì 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	42	
6	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vì 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	42	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
7	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20	
8	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	24	
9	Dao ăn Thái Lan - Канцелярский нож Нож	Gỗ, đầu tròn, Kiwi	Cái	8	
10	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2TB	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	3	
11	Ổ cứng gắn trong/жесткий диск SSD Silicon 1TB A55	Ổ cứng gắn trong SSD Silicon 1TB A55 SATA III	Cái	2	
12	Tẩy chì - Ластик	Zeh-05. Pentel, bọc giấy bia	Cái	10	
13	КНОПКА БУМАЖНАЯ БОЛЬШАЯ 23/8 - Ghim đóng sách lớn	Kw trio 23/8, Chính hãng	Hộp	5	
14	КНОПКА БУМАЖНАЯ 23/10 - Ghim đóng sách lớn	Kw trio 23/10, Chính hãng	Hộp	5	
15	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	10	
16	thước kẻ nhựa 30,20 cm- линейка	20 cm Kim Nguyên;Chiều dài: 20 cm Chất liệu: Nhựa cao cấp Vạch kẻ in số rõ ràng	Cái	5	
17	Bià nhựa cho giấy A4 (My Clear) Пластиковая пленка для бумаги формата A4	My clear bag	Cái	20	
18	Giấy đề cal khổ A4 - Самоклеющаяся бумага A4	Loại: giấy in decal để xanh Đóng gói: 100 tờ/tập	Tập	3	
19	Rỗ nhựa đựng hồ sơ -Magazin file - Лоток для бумаг	No.187 Màu: xanh dương, xanh lá, xám Chất liệu: nhựa Trọng lượng: 300 gr Kích thước: 30*12*10 cm	Cái	10	
20	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	2	
21	Mực in canon 054 BK-Картридж для принтера 054 BK	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1	
22	Mực in canon 054 C-Картридж для принтера 054 C	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1	
23	Mực in canon 054 Y-Картридж для принтера 054 Y	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1	

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
24	Mực in canon 054 M-Картридж для принтера 054 M	Dùng cho máy in canon MF645Cx(có tem chống làm hàng giả của hãng)	Hộp	1	
25	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2	
26	Картридж / Mực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	1	

3. ĐN 28.NCKH-0101/25B-TTH :

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	85	
2	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10	
3	Giấy cuộn cho máy vẽ 914x45.7 mm Бумажные рулоны для плоттеров	Q1397A Định lượng: 80 gsm Kích thước: 914 x 45,7 mm	Cuộn	2	
4	Hộp cắm bút - Органайзер	Xukiva 168 Gồm 7 ngăn Kích thước: 10,8 x 10,6 x 9,2 cm	Cái	12	
5	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	11	
6	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vì 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	25	
7	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vì 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30	
8	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	50	
9	Bút trình chiếu - ручки слайдер	Bút Trình Chiếu Tivi Bảng Led Doosl Dsit036 Cao Cấp	Cái	1	
10	Giấy đánh dấu trang- sign here-post-it-3M- Закладки цветные	1 IN/POx1,7 IN/PO 25,4X43,2 MM	Tập	24	
11	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
12	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	10	
13	Ghim kẹp - СКРЕПКИ	Giấy văn phòng C82	Hộp	40	
14	Cặp nhựa 2 kẹp 24x35cm СШИВАТЕЛЬ	2 kẹp	Cái	16	
15	Ổ cứng gắn ngoài 2TB / Внешний жесткий диск 2ТБ	Ổ cứng cắm ngoài Western 2TB My PP Ultra 2,5", USB 3.0	Cái	2	
16	Sổ tay công tác có logo Viện NIPI- Рабочая тетрадь имеет логотип Института НИПИ.	Giấy dày, đẹp, có logo Viện NCKH&TK Sổ bìa da có nắp gài Kích thước bìa sổ A5: 17 x 23 cm Số trang: 100 tờ = 200 trang giấy Còng 6 lỗ inox	Cuốn	3	
17	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB- C đi kèm)	Cái	2	
18	картридж / CT203400 Toner Cartridge K	cho máy photocopy đen trắng Fuji xerox AP 4570/5570 (có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2	
19	Картридж / Мực photo xerox CT 202344/202343	Dùng cho máy DC V 4070 (Có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2	
20	Mực photo Xerox CT 201734 – Картридж для принтера Xerox CT 201734	Fuji Xerox DC IV 3065/3060/2060 có tem nhà SX(có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	2	
21	Mực photo Xerox CT202109 – Картридж для принтера Xerox CT202109	Dùng cho máy photo 2005/2055/3005/2007/3007/236/286/336	Hộp	2	

4. ĐH 28.NCKH-0101/25C-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5	
2	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB- C đi kèm)	Cái	1	
3	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	1	

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
4	Cấp trình ký - Папка - планшет A4	Trình ký bì da Kingjim	Cái	3	
5	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	8	
6	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	8	
7	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	2 mặt 5cm	Cuộn	8	
8	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробе	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20	
9	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20	
10	Ruột bút parker /Чернила для ручки Parker	ruột dạ parker 0.7	Cái	5	

5. 28.NCKH-0101/25D-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	34	
2	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	10	
3	Картридж/ Mực in CE271A Cyan	Mực in CE271A Cyan cartridge, dùng cho máy HP color LaserJet CP5525 (có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	1	
4	Sổ tay công tác có logo Viện NIPI- Рабочая тетрадь имеет логотип Института НИПИ.	Giấy dày, đẹp, có logo Viện NCKH&TK Sổ bìa da có nắp gài Kích thước bìa sổ A5: 17 x 23 cm Số trang: 100 tờ = 200 trang giấy Còng 6 lỗ inox	Cuốn	10	
5	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB- C đi kèm)	Cái	1	
6	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Mình Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
7	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2	
8	Калькулятор - Máy tính tay Casio JS-40TS	JS 40B 14 số, hàng chính hãng	Cái	1	
9	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	2	
10	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробке	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	10	
11	Pin tiêu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vỉ 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Akaline	Cục	30	
12	Pin tiêu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vỉ 4 viên) клетка	Pin Akaline	Cục	30	
13	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	2	
14	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	2	
15	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	3	

6. ĐN 28.NCKH-0101/25E-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	10	
2	Bút viết bảng - Фломасте	Thiên Long WB-03	Cái	7	
3	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	35	
4	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	5	
5	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	10	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
6	Bìa màu thơm in thiệp - Цветной картон	Nhãn hiệu: A-one Khổ A4 - 100 tờ/tập	Tập	1	
7	Bìa nhựa trong khổ A4 để đóng sách - Пластиковая обложка для переплета А4	Khổ A4 - 100 tờ/ tập, Hàng loại 1	Tập	1	
8	Cặp trình ký - Папка - планшет А4	Trình ký simily A4 Kingstar Kích thước: 31 x 22,5 cm	Cái	5	
9	Bìa ni lông A4 hiệu ACCO- пластиковая крышка А4 - --	Hai mặt trắng - xanh, có nếp nhựa giữ giấy	Cái	20	
10	Ghim kẹp - СКРЕПКИ	Giấy văn phòng C82	Hộp	3	
11	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	2	
12	Bấm ghim số 10 / Степлер № 10	KW-triO số 10	Cái	2	
13	Hộp đựng tài liệu có nắp 26X36X9cm - Коробка для документов	Kích thước 26x36x9cm	Cái	2	
14	Băng keo vải đóng sách (Simily) - Скотч для переплёта документов	Có bố lót keo ngoại, dày 5cm màu xanh dương	Cuộn	5	
15	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	2 mặt , rộng 5F - 8 yard	Cuộn	1	
16	Găng tay cao su làm việc hóa chất Резиновые перчатки для химической обработки	Dùng để chống hóa chất	Đôi	15	
17	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20	
18	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	200	
19	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	400	
20	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	10	
21	Xà bông cục/мыло	Safeguard	Cục	3	
22	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	10	
23	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10	
24	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	6	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
25	Dao ăn Thái Lan - Канцелярский нож Нож	Gỗ, đầu tròn, Kiwi	Cái	7	
26	Ấm đun nước điện- Электрочайник - ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	2	
27	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1	
28	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	2	
29	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30	
30	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30	
31	Калькулятор - Máy tính tay Casio JS-40TS	JS 40B 14 số, hàng chính hãng	Cái	1	
32	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	1	
33	USB 64ГБ/Флэш диск 64ГБ	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5	
34	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	3	
35	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	2	
36	вентилятор/ Quạt đứng, quạt treo Вентинлятор вертикальный	Công suất: 55W Ngang: 46,5 cm, cao: 110,5 - 139,5 cm, sâu: 46,5 cm Nặng: 6kg	Cái	3	
37	Bàn phím không dây Logitech K580	Logitech K580 SIM MULTI DEVICE WIRELESS/ ĐEN- là bàn phím loại nhỏ, có bàn phím số bên phải.	Cái	2	
38	Mực in HP CF226A -Картридж для принтера HP CF226A	Mực CF226A dùng cho máy in laserjet Pro 402A/ M426.(có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	2	
39	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	30	
40	Mực máy fax đa chức năng TN - 2385 – Картридж для принтера TN-2385	Mực Laser cho máy HL-L2361DN, 2321, 2366, 2701D, 2701DW - 2.600 trang tiêu chuẩn	Hộp	4	

7. ĐH 28.NCKH-0101/25F-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата А4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	14	
2	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20	
3	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	20	
4	Tẩy chì - Ластик	Zeh- 05; Pentel- loại trung, có tem	Cái	8	
5	Băng keo trong rộng 50mm - -- Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	6	
6	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	5	
7	Hồ dán giấy - Клей для бумаги	Glue Stick 22g	Lọ	7	
8	синтетический клей/ Keo dán tổng hợp	502 - Hàng loại 1	Hộp	4	
9	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	F103 Kích thước: 210 mm Chất liệu: lưới thép không gỉ, cán nhựa	Cái	7	
10	Gọt bút chì- Точилка	0137 (SDI)	Cái	4	
11	Kẹp sắt đen 15MM - зажим для бумага	15mm - Stacom	Hộp	20	
12	Kẹp sắt đen loại 19mm СКРЕПКИ БОЛШИЕ 19MM	19mm - Stacom	Hộp	20	
13	Kẹp sắt đen loại 25mm - зажим для бумага	25mm - Stacom	Hộp	20	
14	Kẹp sắt đen loại 32 mm/ Зажим для бумаги 32mm скрепки	32mm - Stacom	Hộp	20	
15	Bao tay nilong dùng trong phòng TN Перчатки нейлоновые - --	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên Hàm lượng bột: ≤ 2mg/găng tay Màu: màu cao su tự nhiên Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp. 1 cái = 2,5 gram. 1 kg = 4 hộp	kg	7	
16	TÚI NILON ĐỰNG MÀU Пластиковые пакеты для мусора	Loại 20x30cm, loại zip	kg	5	
17	Bao tay nilon y tế Медицинские перчатки - --	Latex-vglove (Có bột) Đóng gói: 100 găng tay (50 cặp găng)/hộp	Hộp	4	

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
18	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	Pulppy 180 tờ/hộp	Hộp	20	
19	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40 cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	50	
20	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	An an 2 lớp dùng để lau mẫu	Cuộn	400	
21	Xà bông bột -Стиральный порошок	380gr	Bịch	10	
22	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	10	
23	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Dung tích: 400ml/chai	Chai	10	
24	Ấm đun nước điện- Электрочайник - ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	2	
25	Bình trà (bộ ấm pha trà bằng sứ)- Чай - ЧАЙНИК	Minh Long 0,8 lít loại đẹp	Cái	1	
26	Đồng hồ treo tường - часы	Gastar	Cái	2	
27	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	50	

8. ĐH 28.NCKH-0101/25G-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5	
2	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	5	
3	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	5	
4	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	20	
5	Bút lông dầu Маркеры	Marker , màu xanh và đen, Thiên Long PM04	Cái	20	
6	Bút xóa - Корректор	Thiên Long CP-02	Cái	15	
7	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	10	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
8	Dao rọc giấy Резак для бумаги	SDI 0404 Kích cỡ lưỡi dao: 09 mm	Cái	9	
9	Găng tay cao su làm việc hóa chất Резиновые перчатки для химической обработки	Dùng để chống hóa chất	Đôi	10	
10	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	50	
11	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	300	
12	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	8	
13	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	6	
14	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10	
15	Giấy lau tay Полотенце бумажное	Pulppy	Hộp	50	

9. ĐN 28.NCKH-0101/25H-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	10	
2	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	15	
3	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	8	
4	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	15	
5	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	15	
6	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	25	
7	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20	
8	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	100	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
9	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30	
10	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30	
11	CARTRIДЖ/ Mực in HP CE 255A	Mực HP CE255A dùng cho máy in HP P3015; P3010 (có tem chống hàng giả hãng HP)	Hộp	1	

10. ĐH 28.NCKH-0101/25I-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	20	
2	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20	
3	Bút mực, lông kim- чернильный ручки	Uni ball 150. Ngòi bút 0.5mm	Cái	30	
4	Băng keo trong loại nhỏ - Скотч узкий прозрачный	2.5 cm, 80ya	Cuộn	20	
5	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	50	
6	Áo choàng trắng- trang bị bảo hộ- ХАЛАТ(new) Халат белый (новый)	Vải kate loại tốt, màu trắng	set	10	
7	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	40	
8	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	100	
9	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	30	
10	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	30	
11	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	2	
12	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	2	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
13	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	7	
14	Bình xịt muỗi Спрей комара	Raid - hương chanh	Chai	2	
15	Mực in HP CE 505 A - Картридж для принтера HP CE 505 A	Mực in CE505A for HP Laserjet P2035,P2055D(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	1	

11. ĐH 28.NCKH-0101/25J-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20	
2	Bút lông dầu Маркеры	Marker , màu xanh và đen, Thiên Long PM04	Cái	10	
3	Bút xóa - Корректор	Thiên Long CP-02	Cái	10	
4	Bút chì đen - Карандаш	3B	Cái	10	
5	Bút chì kim 0.5mm (A255)- стержни карандаш	Pentel 0.5 A255, có tem chống hàng giả, chính hãng	Cái	5	
6	thước kẻ nhựa 30,20 cm- линейка	20 cm Kim Nguyên;Chiều dài: 20 cm Chất liệu: Nhựa cao cấp Vạch kẻ in số rõ ràng	Cái	5	
7	Bìa trong khổ A4 Пластиковый чехол в формате A4	Hai mặt trắng, Plus	Cái	40	
8	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	10	
9	Băng keo trong rộng 50mm - – Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	5	
10	Băng keo vải đóng sách (Simily) - Скотч для переплёта документов	Có bố lót keo ngoại, dày 5cm màu xanh đương	Cuộn	5	
11	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	5	
12	Kẹp sắt đen 15MM - зажим для бумага	15mm - Stacom	Hộp	10	
13	Kẹp sắt đen loại 19mm СКРЕПКИ БОЛШИЕ 19MM	19mm - Stacom	Hộp	10	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
14	Kẹp sắt đen loại 32 mm/ Зажим для бумаги 32мм скрепки	32mm - Stacom	Hộp	10	
15	Kẹp giấy đen 41mm -Зажим для бумаги 41мм Зажим для бумага 41mm	41mm - Stacom	Hộp	5	
16	Tập học sinh-kнига Тетрадь	định lượng 100 trang cả bìa/ tập.	Cuốn	10	
17	Bao tay nilon y tế Медицинские перчатки - --	Glove, loại trung	Hộp	10	
18	Giấy vệ sinh- Бумага для туалета	Dùng để lau mẫu	Cuộn	200	
19	Xà bông bột -Стиральный порошок	400g	Bịch	2	
20	Nước rửa chén - средство для мытья посуды	Sunlight chanh, thể tích 725ml	Chai	10	
21	Nước rửa tay-Мытье рук Жидкое мыло для рук	Trọng lượng: 180 g	Chai	5	
22	Con chuột máy vi tính MOUSE Компьютерная мышь	B100 Kiểu kết nối: có dây Dạng cảm biến: Optical Độ phân giải: 800DPI Màu: đen	Cái	2	
23	Khẩu trang y tế- Медицинские маски	50 cái/hộp	Hộp	5	
24	Khẩu trang có than hoạt tính - САНИТАРНЫЕ МАСКИ	4 lớp chống khí ô nhiễm	Cái	50	
25	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфетки в коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	25	
26	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	30	
27	Máy tính tay Casio FX-570 - Калькулятор Casio FX-570 MS Канкулятор Casio FX-570 MS	FX570 VN Plus, hàng chính hãng	Cái	2	
28	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	5	
29	Bao tay nilong dùng trong phòng TN Перчатки нейлоновые - --	Loại tốt	kg	5	
30	Картридж/Мực in HP 76A- CF276A	Dùng cho máy in HP M404N/M404DN/M404DW, MFP M428FDW/M428FDN (có tem chống làm hàng giả của hãng HP)	Hộp	2	
31	КАРТРИДЖ /Мực in CE285A	Mực in CE285A for HP Laserjet P1102/P1102W, 1212nf, M1132mfp(có tem chống làm hàng giả của hãng HP).	Hộp	1	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
32	Ấm đun nước điện- Электрочайник - ЭЛЕКТРО.ЧАЙНИК --	Philip 1,5 lít	Cái	1	
33	Chuột không dây Logitech Signature M650 / Беспроводная мышь Logitech Signature M650	Loại kết nối: USB-Wireless, Bluetooth Tương thích với hệ điều hành: Windows, MacOS	Cái	2	

12. ĐH 28.NCKH-0101/25K-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата A4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5	
2	Giấy in khổ A3 - Бумага формата A3	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 5kg/tập	Ram	5	
3	Bìa đóng sách A4 - Картон для переплета A4	Láng bóng dày (Xấp = 100 tờ), xanh dương	Tờ	5.000	
4	Bìa nhựa trong khổ A4 để đóng sách - Пластиковая обложка для переплета A4	Khổ A4 - 100 tờ/ tập, Hàng loại 1	Tập	5	
5	Bình thủy điện/Электротермос	Tiger 5 lít	Cái	1	
6	Mực photo Xerox CT 201734 – Картридж для принтера Xerox CT 201734	Fuji Xerox DC IV 3065/3060/2060 có tem nhà SX(có tem chống hàng giả của hãng)	Hộp	1	
7	USB 64GB/Флэш диск 64GB	64 GB, có tem bảo hành	Cái	3	
8	Ổ cắm điện nối dài/ Удлинительная розетка	Ổ cắm điện 3 chấu 6 lỗ, có tiếp đất	Cái	2	
9	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	15	
10	Bút dạ quang - Маркеры цветной Фломастер	Artline 660	Cái	10	
11	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	9	
12	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB- C đi kèm)	Cái	1	



13. ĐH 28.NCKH-0101/25L-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата А4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5	
2	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	20	
3	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1	
4	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	20	
5	Bấm ghim số 10 / Степлер № 10	KW-triO số 10	Cái	6	
6	Ghim bấm - Степлер	SDI 1200 No.10	Hộp	20	
7	Kéo cắt giấy văn phòng НОЖНИЦЫ ножницы	Stacom F103	Cái	10	
8	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20	

14. ĐH 28.NCKH-0101/25M-TTH

STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Giấy in khổ A4 Бумага формата А4 - --	ĐL: 80gsm - 500 tờ/ tập ; hiệu Double A, 2,5kg/tập	Ram	5	
2	ПЛАТОК БУМАЖНЫЙ -KHĂN GIẤY салфеткив коробне	180 tờ/hộp Thành phần: 100% bột giấy nguyên chất	Hộp	10	
3	Khăn lau tay - Полотенце	Kích thước: 35*40cm Màu: Hồng, xanh dương, xanh lá. Chất liệu: vải microfiber caro siêu mềm mịn không xù lông	Cái	10	
4	Компьютерная лазер мышь лазер Logitech MX2 Anywhere 2S, 3S New	Logitech MX Anywhere 3 Wireless/Bluetooth Trọng lượng: 99g Độ phân giải: 400 -4.000 DPI Pin: 500mAh có thể sạc (thông qua cáp USB-C đi kèm)	Cái	1	
5	Băng keo trong rộng 50mm - -- Прозрачный скотч шириной 50 мм	5cm, 80ya	Cuộn	5	



STT П/п	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa (Việt-Anh/Nga) Наименование МТР/услуг (Вьет - англ./русс.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики Technical Characteristics	ĐVT Ед. изм Unit	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		
6	Băng keo 2 mặt (lớn)- Двусторонний скотч (большой)	5cm, 80ya	Cuộn	5	
7	Pin tiểu (NEW) /Battery/ size AA, 1.5V (1 vi 4 viên) – Батарейки AA, 1,5 В (упаковка – 4 шт.)	Pin Alkaline	Cục	10	
8	Pin tiểu (NEW) /Battery/Батарей size AAA, 1.5V (1 vi 4 viên) клетка	Pin Alkaline	Cục	10	
9	Bút bic các loại- Шариковые ручки	TL-B Master C0.6, Gel B01	Cái	20	

4.THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- Thời hạn giao hàng: 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.
- Số lần giao hàng giao hàng 1 lần tại kho của Viện NCKH& TK. Địa chỉ 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì , TP Vũng tàu.

5. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI HÀNG VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO:

- Hàng hóa mới nguyên đai nguyên kiện, kèm theo catalogue hướng dẫn sử dụng.

6. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Theo tiêu chuẩn an toàn – vệ sinh môi trường của Việt Nam.



PHỤ LỤC 3: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

Mua Vật tư, văn phòng phẩm.

Đơn hàng số 28-VT-2039/25-NIPI-TTH: 28.NCKH-0101/25-TTH; 28.NCKH-0101/25A-TTH; 28.NCKH-0101/25B-TTH; 28.NCKH-0101/25C-TTH; 28.NCKH-0101/25D-TTH; 28.NCKH-0101/25E-TTH; 28.NCKH-0101/25F-TTH; 28.NCKH-0101/25G-TTH; 28.NCKH-0101/25H-TTH; 28.NCKH-0101/25I-TTH; 28.NCKH-0101/25J-TTH; 28.NCKH-0101/25K-TTH; 28.NCKH-0101/25L-TTH; 28.NCKH-0101/25M-TTH.

STT	Tên gọi các tiêu chí Criteria	Nội dung chào hàng Proposal content	Đánh giá “Đạt/Không đạt” Evaluation Pass/ Fail	Lý do không đạt Reason of Fail	Ghi chú Note
1	2	3	4	5	6
1	YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA				
1.1	Tình trạng hàng hoá	Mới, chưa qua sử dụng	Đạt/Passed		
		Hàng cũ, phục hồi	Không đạt/ Failed	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng của VSP	
1.2	Năm sản xuất:	Đúng theo yêu cầu: - Mục in phải là hàng chính hãng và có thời hạn sản xuất không sớm hơn tháng 06/2024.	Đạt/Passed		



		SX trước năm yêu cầu	Không đạt/ Failed		
1.3	Nội dung chào hàng	Ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư, thiết bị	Đạt/Passed		
		Không rõ ràng	Không đạt/ Failed	Không có cơ sở để đánh giá	
1.4	Bảo hành	Cam kết đúng thời hạn và các điều kiện theo yêu cầu theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	Đạt/Passed		
		Không cam kết thời hạn BH theo yêu cầu hoặc không tuân thủ các điều kiện BH quy định trong YCKT	Không đạt/ Failed		
2	CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH (STANDARDS AND COMPLIANCE WITH REGULATIONS)- nếu có yêu cầu trong YCKT				
2.1	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhà thầu cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng hàng hoá cung cấp	Đạt/Passed		
		Nhà thầu không cam kết tuân thủ và không đưa ra các tiêu chuẩn về chất lượng hàng hoá cung cấp	Không đạt/ Failed		
3	THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG (TIME AND LOCATION OF DELIVERY)				



3.1	Thời gian giao hàng	Đúng theo yêu cầu: 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng	Đạt		
		Chậm quá ngày so với yêu cầu	Không đạt		
3.2	Địa điểm giao hàng	Đúng theo yêu cầu: tại kho của Viện NCKH& TK. Địa chỉ 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì , TP Vũng tàu.	Đạt		
		Không cam kết giao hàng tại kho Viện NCKH& TK. Địa chỉ 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì , TP Vũng tàu.	Không đạt		
4	SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA (QUANTITY AND PACKAGING)	Đúng theo yêu cầu	Đạt		
4.1	Số lượng hàng hoá	Đúng theo yêu cầu	Đạt		
		Chào hàng không đủ SL cho cả ĐH hay cho từng nhóm mục	Không đạt	Không đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hoá phục vụ SX	
4.2	Đóng gói	Đúng theo yêu cầu nhà sản xuất	Đạt		
		Không cam kết đóng gói theo yêu cầu nhà sản xuất	Không đạt	Hỏng hóc trong quá trình vận chuyển, lưu giữ	

- Điều kiện tối thiểu để chào hàng được coi là đáp ứng YCKT: Tất cả các mục phải đáp ứng: Đạt. Nhà cung cấp nếu không đáp ứng 1 trong các tiêu chí đều bị loại.

